

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350 /2024/DS-PT

Ngày 26 – 6 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLPT-DS ngày 31/5/2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 280/2024/QĐ-PT ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1950 (có mặt);

1.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1960 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp PL, xã PN, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1978 (có mặt);

2.2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh P: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1978 (theo Giấy ủy quyền ngày 24/6/2024 – có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp CL, xã PN, huyện CL, Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Ông bà là hội viên có tham gia góp hội do chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P làm đầu thảo. Trong danh sách hội, chị N và anh P ghi tên ông bà là Bảy D, cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Hội vụ Đông Xuân năm 2017, hội khai vào ngày 20/01/2017 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 6.000.000 đồng. Hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 6.000.000 đồng. Dây hội này gồm 15 phần, ông bà tham gia 01 phần, ông bà đã góp được 14 kỳ. Trong dây hội này chị N và anh P nợ ông bà số tiền hội là 84.000.000 đồng (6.000.000 đồng x 14 kỳ x 01 phần). Trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng thì chị N và anh P còn nợ lại ông bà số tiền là 83.000.000 đồng. Sau đó chị N và anh P đã trả cho ông bà số tiền là 20.000.000 đồng và còn nợ lại 63.000.000 đồng, sau đó ông bà có thỏa thuận với chị N, anh P cân trừ dần số tiền 63.000.000 đồng này vào dây hội tháng, tổng cộng số tiền cân trừ dần của phần hội tháng là 49.200.000 đồng. Vì vậy, trong dây hội này chị N và anh P còn nợ lại ông bà số tiền là 13.800.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Hội vụ Đông Xuân năm 2020, hội khai ngày 20/01/2020 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 6.000.000 đồng. Hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 6.000.000 đồng. Dây hội này gồm 17 phần, ông bà tham gia 01 phần. Ông bà đã góp được 05 kỳ, đến kỳ hội thứ 06 thì chị N và anh P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này chị N và anh P còn nợ ông bà số tiền là 30.000.000 đồng (6.000.000 đồng x 05 kỳ x 01 phần).

Dây hội thứ 3: Hội vụ Đông Xuân năm 2021, hội khai ngày 20/01/2021 (âm lịch), hội mùa, mỗi phần hội trị giá 6.000.000 đồng. Hội sống đóng 4.000.000 đồng, hội chết đóng 6.000.000 đồng. Dây hội này gồm 13 phần, ông bà tham gia 01 phần. Ông bà đã góp được 02 kỳ, đến kỳ hội thứ 03 thì chị N và anh P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này chị N và anh P còn nợ ông bà số tiền hội là 12.000.000 đồng (6.000.000 đồng x 02 kỳ x 01 phần).

Dây hội thứ 4: Hội vụ Đông Xuân năm 2017, hội khai ngày 20/01/2017 (âm lịch), hội vàng, hội mùa, mỗi phần hội trị giá 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Hội sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hội chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hội này gồm 16 phần, ông bà tham gia 01 phần. Ông bà đã góp được 14 kỳ, đến kỳ hội thứ 15 thì chị N và anh P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này chị N và anh P nợ ông bà số vàng là 21 chỉ vàng 24 Kara (1,5 chỉ vàng 24 Kara x 14 kỳ x 01 phần). Sau đó chị N và anh P đã trả cho ông bà 14 chỉ vàng 24 Kara, còn nợ lại ông bà 07 chỉ vàng 24 Kara.

Dây hội thứ 5: Hội vụ Đông Xuân năm 2018, hội khai ngày 20/01/2018 (âm lịch) hội vàng, hội mùa, mỗi phần hội trị giá 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Hội sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hội chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hội này gồm 17 phần, ông bà tham gia 01 phần. Ông bà đã góp được 11 kỳ, đến kỳ hội thứ 12 thì chị N và anh P ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này chị N và anh P nợ ông bà số vàng là 16,5 chỉ vàng 24 Kara (1,5 chỉ vàng 24 Kara x 11 kỳ x 01 phần).

Dây hụi thứ 6: Hụi vụ 3 năm 2018, hụi khai ngày 20/8/2018 (âm lịch), hụi vàng, hụi mùa, mỗi phần hụi trị giá 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hụi này gồm 17 phần, ông bà tham gia 01 phần. Ông bà đã góp được 09 kỳ, đến kỳ hụi thứ 10 thì chị **N** và anh **P** ngưng hụi cho đến nay. Trong dây hụi này chị **N** và anh **P** còn nợ ông bà số vàng là 13,5 chỉ vàng 24 Kara (1,5 chỉ vàng 24 Kara x 09 kỳ x 01 phần).

Dây hụi thứ 7: Hụi vụ Đông Xuân năm 2021, hụi khai ngày 20/01/2021 (âm lịch), hụi vàng, hụi mùa, mỗi phần hụi trị giá 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hụi này gồm 13 phần, ông bà tham gia 01 phần. Ông bà đã góp được 02 kỳ, đến kỳ hụi thứ 03 thì chị **N** và anh **P** ngưng hụi cho đến nay. Trong dây hụi này chị **N** và anh **P** còn nợ ông bà số vàng là 03 chỉ vàng 24 Kara (1,5 chỉ vàng 24 Kara x 02 kỳ x 01 phần).

Nay ông bà yêu cầu chị **Huỳnh Thị N** và anh **Nguyễn Văn P** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà tổng cộng số vàng và số tiền nợ hụi là 55.800.000 đồng và 40 chỉ vàng 24 Kara. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông **T** và bà **D** thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Trong tổng số 07 dây hụi trên, ông bà xác định số tiền huê hồng trừ cho đầu thảo đối với hụi vàng là 800.000 đồng tương đương 0,2 chỉ vàng 24 Kara, đối với hụi tiền là 1.000.000 đồng nên ông bà đồng ý trừ số vàng và tiền cho đầu thảo. Ông bà yêu cầu chị **N** và anh **P** trả cho ông bà số tiền của 03 dây hụi là 53.800.000 đồng và số vàng 04 dây hụi là 39,2 chỉ vàng 24 **K**, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà **Huỳnh Thị N** trình bày:*

Ông **T** và bà **D** có tham gia các dây hụi do chị làm đầu thảo như ông **T**, bà **D** khởi kiện. Hụi vàng thì thỏa thuận hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24 Kara, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Đối với hụi tiền thì hụi sống đóng 4.000.000 đồng còn hụi chết thì đóng 6.000.000 đồng. Chị thống nhất số lần hụi mà ông **T**, bà **D** đã đóng cho chị cũng như thời gian chị ngưng hụi như ông **T**, bà **D** trình bày là đúng. Tuy nhiên số tiền, vàng nợ những dây hụi này chị đã trả xong cho nên không còn nợ số tiền, vàng nào cả. Khi trả tiền, ông **T** tự ghi biên nhận nhưng không ký tên vào. Nay chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **T**, bà **D**. Việc chị làm đầu thảo hụi, anh **P** là chồng chị có biết, có la không cho chị làm hụi nhưng chị tự làm nên không liên quan đến anh **P**.

*Bị đơn anh **Nguyễn Văn P** trình bày:*

Do anh từ trước đến nay thường xuyên đi làm thuê, ít ở nhà nên việc vợ anh là chị **N** tổ chức chơi hụi, anh hoàn toàn không biết, không có tham gia và cũng không có ý kiến gì, đồng thời anh cũng không có sử dụng tiền chơi hụi của chị **N**. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **T**, bà **D**.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện CLy, tỉnh Tiền Giang, đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Buộc chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D số vàng, tiền nợ hui là 39,2 chỉ vàng 24 Kara và 53.800.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/3/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận buộc anh có trách nhiệm liên đới với chị Huỳnh Thị N trả số vàng, tiền nợ hui cho ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Huỳnh Thị N – đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ngọc D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh P kháng cáo không đồng ý liên đới trả tiền theo yêu cầu của ông T, bà D. Xét chị N, anh P là vợ chồng, giữa hai bên không có thỏa thuận về tài sản riêng, nợ riêng. Chị N trình bày sử dụng số tiền chơi hui vào mục đích sinh hoạt gia đình và thừa nhận anh P có biết. Các thành viên trong dây hui đều xác định anh P biết chị N tổ chức chơi hui. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh P liên đới cùng với chị N trả tiền hui cho ông T, bà D là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo cần được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh **Nguyễn Văn P**;

Anh **P** không đồng ý liên đới trả tiền hội cho cho ông **Nguyễn Thanh T**, bà **Nguyễn Thị Ngọc D** vì anh không tham gia chơi hội cũng như không sử dụng tiền chơi hội do vợ anh là chị **Huỳnh Thị N** tổ chức. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các hội viên tại các bút lục từ 44-51, đều xác nhận anh **P** có biết vợ anh tổ chức chơi hội và tham gia gom hội của các hội viên. Do đó, cơ sở xác định, anh **P** có biết và cùng vợ là **Huỳnh Thị N** tham gia giao dịch hội với nguyên đơn.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông liên đới trả cho ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Nguyễn Thị Ngọc D** số vàng, tiền nợ hội là 39,2 chỉ vàng 24 Kara và 53.800.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh **P** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh **P**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh **Nguyễn Văn P** không được chấp nhận, nên anh **P** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313, khoản 3 Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **Nguyễn Văn P**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Nguyễn Thị Ngọc D**.

Buộc chị **Huỳnh Thị N** và anh **Nguyễn Văn P** liên đới trả cho ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Nguyễn Thị Ngọc D** số vàng, tiền nợ hui là 39,2 chỉ vàng 24 Kara và 53.800.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Nguyễn Thị Ngọc D** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **Huỳnh Thị N** và anh **Nguyễn Văn P** chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh **Nguyễn Văn P** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002400 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **Huỳnh Thị N** và anh **Nguyễn Văn P** phải chịu 14.842.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện CL;
 - CCTHADS huyện CL;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương